

Bản án số: **26/2022/DS-ST**
Ngày: 05/5/2022
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Mai Tấn Đầu**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Vũ Văn Hợp**

2. Ông **Trần Minh Nhựt**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Lý Văn Toán** -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang:* Bà **Phạm Thị Thúy Kiều**- Chức vụ: *Kiểm sát viên*

Ngày 05 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 106/2019/TLST-DS, ngày 03 tháng 5 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Dương Xuân H**, sinh năm 1948. (có mặt)

Địa chỉ: ấp PC, xã MT B, huyện CT, tỉnh KG.

* *Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của bà Dương Xuân H:*
Bà **Nguyễn Thị Kim S**, sinh năm **1987** (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố MP, thị trấn ML, huyện CT, tỉnh KG.

* *Bị đơn:* 1. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1969 (vắng mặt)

2. Bà **Phan Thị T**, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp PC, xã MT B, huyện CT, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Dương Xuân H trình bày:

Nguyên lúc trước bà không nhớ rõ thời gian thì bà Phan Thị T cùng chồng là ông Nguyễn Văn T có đến gặp bà yêu cầu cho ông bà mượn nhiều lần với số vàng là 140 chỉ vàng 24kara và được bà quy ra thành tiền là 490.000.000 đồng, cùng mượn tiền mặt là 160.000.000 đồng; Về sau nữa thì vợ chồng ông T và bà T yêu cầu bà đứng ra trả nợ cho ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam với số tiền là 800.000.000 đồng và trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền là 120.000.000 đồng. Tổng cộng, bà đã giao tiền cho ông T và bà T với số tiền là 1.570.000.000 đồng và bà đã thỏa thuận mua bán, khấu trừ lãi với nhau hiện nay còn lại là 805.000.000 đồng. Qua nhiều làm việc, trao đổi và khấu trừ bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn T còn nợ số tiền là 385.000.000 đồng nên chỉ yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị T trả số tiền 385.000.000 đồng và tính lãi kể từ ngày 20/01/2018 cho đến khi giải quyết xong vụ án. Bà xin rút lại một phần yêu cầu của mình từ số tiền 805.000.000 đồng xuống còn 385.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay bà Dương Xuân H có yêu cầu: Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị T phải trả cho bà số tiền là 385.000.000 đồng một lần là dứt nợ, đồng thời yêu cầu tính lãi số tiền trên kể từ ngày 20/01/2018 cho đến khi tòa giải quyết xong, lãi suất theo quy định pháp luật. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì thêm.

** Bị đơn bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn T trình bày:* Tòa án đã triệu tập, tổng đạt các văn bản tố tụng về việc xét xử nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị T vẫn vắng mặt không lý do nên không có ý kiến trình bày.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành nêu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm nghị án tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên về thời hạn xét xử của vụ án kể từ khi thụ lý cho đến ngày xét xử là quá hạn với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 BLTTDS nên đề nghị khắc phục vi phạm trong thời gian tới.*

Về hướng giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Xuân H về việc buộc ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 385.000.000 đồng và tính lãi suất từ ngày 20/01/2018. Đình chỉ một phần yêu cầu của bà Dương Xuân H đối với việc thay đổi yêu cầu số tiền từ 805.000.000 đồng xuống còn 385.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] - Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Xuân H thực hiện quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[2] - Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị T đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ, đúng theo quy định nhưng ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị T vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Dương Xuân H yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị T. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị T.

[3] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Dương Xuân H yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị T phải trả cho bà số tiền là 385.000.000 đồng yêu cầu tính lãi số tiền trên kể từ ngày 20/01/2018 theo quy định pháp luật. Nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về việc vay tài sản*”.

[4] - Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Dương Xuân H yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị T phải trả cho bà số tiền là 385.000.000 đồng yêu cầu tính lãi số tiền trên kể từ ngày 20/01/2018 theo quy định pháp luật; Bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn T thừa nhận hiện tại còn nợ bà Dương Xuân H số tiền là 385.000.000 đồng nhưng do hiện nay hoàn cảnh khó khăn không có khả năng trả một lần mà xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt số tiền 385.000.000 đồng, đồng thời không đồng ý trả lãi.

[4.1] - Hội đồng xét xử nhận thấy: Giao dịch vay tài sản giữa nguyên đơn bà Dương Xuân H với bị đơn bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn T là hoàn toàn

tự nguyện, không bị ai ép buộc và phù hợp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn T đã nhận được tài sản thì phải có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Nhưng bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn T cho rằng gia đình hiện tại gặp nhiều khó khăn, chị không có khả năng trả tiền một lần cho bà H được nên xin trả dần số tiền này mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên của bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn T là không có cơ sở chấp nhận vì như thế sẽ kéo dài thời gian trả nợ, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Mặt khác, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và nguyên đơn cũng không đồng ý cho bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn T trả dần số tiền trên. Từ những cơ sở trên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Xuân H xử buộc bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ trả cho bà Dương Xuân H số tiền gốc tổng cộng là 385.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp, đúng theo quy định của pháp luật.

[4.2] - Về lãi suất: Tại phiên nguyên đơn bà Dương Xuân H cũng thống nhất tính lại lãi suất theo quy định pháp luật từ 20.01.2018 cho đến ngày xét xử 05/5/2022 là 50 tháng: số tiền 385.000.000 đồng x 10%/năm x 50 tháng = 160.416.666 đồng.

Từ những căn cứ nhận định trên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Xuân H buộc bị đơn bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Dương Xuân H số tiền vốn gốc là 385.000.000 đồng và tiền lãi là 160.416.666 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 545.417.000 đồng.

[5] - Do đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của mình về việc không yêu cầu tính số tiền 805.000.000 đồng mà chỉ yêu cầu trả số tiền 385.000.000 đồng, yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và phù hợp theo ý chí nguyện vọng của nguyên đơn và đúng theo quy định của pháp luật nên cần đình chỉ phần yêu cầu này là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[6] - Xét quan điểm của đại viện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận nên ghi nhận để xem xét.

[7] - Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc bị đơn bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 25.816.680 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, 147, điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 1 Điều 244; 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào các Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Xuân H về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về việc vay tài sản*” đối với bị đơn bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn T.

2. Buộc bị đơn bà Phan Thị Tiêm và ông Nguyễn Văn Tấn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Dương Xuân H số tiền vốn gốc là 385.000.000 đồng và tiền lãi là 160.416.66 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 545.417.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp

và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc bị đơn bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 25.816.680 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Mai Tấn Đầu